**TUẦN 9 Thứ Hai ngày 30 tháng 10 năm 2023**

**Tiết 1 HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Chào cờ đội**

**Tiết 3 TOÁN**

**Đề - xi - mét vuông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông, biết kí hiệu của đề-xi-mét vuông: dm2.

- Biết đổi và tính toán với các số đo diện tích (cm2,dm2

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết vấn đề, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động của lớp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu bài tập

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh(MH) hỏi:  + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?  - Tại sao bạn bạn Rô-bốt lại nói như vậy?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS quan sát.  + Hai bạn đang nói chuyện diện tích của nền nhà được lát bởi các ô gạch hình vuông có cạnh 1cm là 100 xăng-ti-mét vuông hay 1 đề-xi-mét vuông.  - HS suy ngẫm.  - HS ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức (15’):**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề - xi - mét vuông.  - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích (cm2, dm2).  **b. Cách tiến hành:**  ***a. Ôn tập về xăng- ti- mét vuông:***  + Yêu cầu HS vẽ một hình vuông có diện tích là 1cm2.  + 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu xăng- ti- mét?  ***b. Giới thiệu đề- xi- mét vuông (dm2)***  - GV chiếu hình vuông có diện tích là 1dm2 lên bảng và giới thiệu: Để đo diện tích các hình người ta còn dùng đơn vị là đề- xi- mét vuông.  - Hình vuông trên bảng có diện tích là 1dm2.  - Yêu cầu HS thực hiện đo cạnh của hình vuông.  + Vậy 1dm2 chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  + Dựa vào kí hiệu xăng- ti- mét vuông, nêu cách viết kí hiệu đề- xi- mét vuông? (GV ghi bảng: dm2)  - GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm2, 3dm2, 24dm2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên.  \* Mối quan hệ giữa cm2 và dm2  - Hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 10cm.  - 10 cm bằng bao nhiêu đề- xi- mét?  ***\*KL: Vậy hình vuông cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 1dm.***  + Hình vuông có cạnh 1dm có diện tích là bao nhiêu?  - Vậy 100cm2 = 1dm2.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ để thấy hình vuông có diện tích 1dm2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm2 xếp lại.  - GV yêu cầu HS vẽ HV có diện tích 1dm2. | - HS vẽ ra giấy kẻ ô.  - 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm.  - HS quan sát  - HS đồng thanh: đề- xi- mét vuông  - Cạnh của hình vuông là 1dm.  + Cạnh dài 1 dm  + Là kí hiệu của đề- xi- mét viết thêm số 2 vào phía trên, bên phải (dm2).  - Một số HS đọc trước lớp.  - HS tính và nêu: S= 10cm x 10cm = 100cm2  - HS: 10cm = 1dm.    *+ Là 1dm2.*  - HS đọc: 100cm2 = 1dm2.  - HS vẽ vào giấy HV: 10cm x 10cm. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)**  **a. Mục tiêu:**  - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích (cm2, dm2).  - Giải quyết được việc ước lượng kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.  **b. Cách tiến hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc.  - HS thực hiện.  440 dm2: Bốn trăm bốn mươi đề-xi-mét vuông  1005 dm2: Một nghìn không trăm linh năm đề-xi-mét vuông  1000 dm2: Một nghìn đề-xi-mét vuông  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.  - HS theo dõi |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành bài và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn.  - GV nhận xét, chốt câu trả lời.  + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số.  + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó.  (VD: 8 dm2 = 800 cm2  nên ta có 800 cm2 = 8 dm2)  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  3dm2 = 300 cm2 300 cm2 = 3dm2  6dm2 = 600 cm2 600 cm2 = 6dm2  6dm2 50 cm2 = 650 cm2  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ đáp án. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - Gọi HS nêu cách tính tìm đáp án  - Khi so sánh số đo diện tích cần lưu ý gì?  - GV cùng HS nhận xét | - HS đọc.  - HS so sánh diện tích hình vuông và diện tích HCN  - HS thảo luận theo cặp.  - HS chia sẻ đáp án. (B)  - HS nêu. (Tính diện tích của 2 hình sau đó so sánh số đo diện tích)  S hình vuông = 2x 2 = 4 dm2  S hình chữ nhật = 80 x 5 = 400  = 4 dm2  - Cùng đơn vị đo |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)**  - Một hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 8cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó theo đơn vị đề-xi-mét vuông?  - Nhận xét tiết học. | - HS làm bài |

**\* Điều chỉnh sau tiết dạy:** .......................................................................................

## .................................................................................................................................

**Tiết 4 TIẾNG VIỆT**

**Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học; bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc.

- Hiểu nội dung bài đọc. Bước đầu biết tóm tắt văn vản, nêu được chủ đề của văn vản.

- Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dạng, điệu bộ, hành động,.. thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật.

- Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao yêu thích văn bản, ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS nêu lại các chủ đề đã học. | - HS nêu câu trả lời. |
| - GV gọi HS chia sẻ. | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Luyện tập thực hành: (25-30’)**  **a. Mục Tiêu:**  - Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học.  - Hiểu nội dung bài đọc. Bước đầu biết tóm tắt văn vản, nêu được chủ đề của văn vản.  - Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dạng, điệu bộ, hành động.  - Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản.  **b. Cách tiến hành**  *\* Nói tên các bài đã học*  - GV chiếu nội dung bài 1.  - YC 1 HS đọc nội dung bài.  - YC HS quan sát, đọc thầm từng khổ thơ, lời nói của nhân vật trích từ các bài đã học. Sau đó viết ý kiến cá nhân vào nháp.  - YC HS thảo luận nhóm 4 đối chiếu câu trả lời và thống nhất.  - Tổ chức cho HS chia sẻ nội dung thảo luận.  - GV chốt câu trả lời. | - HS quan sát.  *-* HS thực hiện YC của GV.  - HS thảo luận nhóm 4.  - Từng nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe. |
| *\* Nêu ngắn gọn nội dung các bài đã học*  - GV YC HS đọc đề bài.  - YC HS thảo luận nhóm đôi.  - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.  - Tổ chức cho HS nhận xét.  - GV chốt câu trả lời. | - HS đọc đề bài  - HS thảo luận nhóm đôi đưa ra đáp án.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| *\* Đọc lại một bài đọc trong chủ điểm Mỗi người một vẻ hoặc Trải nghiệm và khám phá nêu chi tiết hoặc nhân vật em nhớ nhất.*  - YC HS đọc đề bài.  - GV chia nhóm tổ.  - GV phát bảng nhóm thống kê đã chuẩn bị sẵn.  - Quan sát và YC 3 – 4 HS mỗi nhóm chia sẻ câu trả lời. | -1 HS đọc đề bài.  - HS thảo luận nhóm đưa ra ý kiến.  - HS hoàn thiện bảng theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ ý kiến. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Tìm và viết một đoạn văn có chưa danh từ chung và danh từ riêng. | - HS thực hiện yêu cầu. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

## 

**Thứ Ba ngày 31 tháng 10 năm 2023**

**Tiết 1 TOÁN**

**Mét vuông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc mét vuông, viết " m2".

- Biết chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích m2, dm2, cm2.

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh(MH), hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Ba bạn thử tính diện tích nền nhà bằng đơn vị đo nào?  + Có đơn vị đo diện tích nào lớn hơn xăng-ti mét vuông và đề-xi-mét vuông không?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS quan sát.  + Ba bạn Nam, Mai và Rô-bốt; bạn Nam đang đo nền nhà.  + Xăng-ti mét vuông, đề-xi-mét vuông  + HS suy ngẫm  - HS ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức (15’):**  **a. Mục tiêu:**  - Giúp HS nhận biết được đơn vị đo diện tích m2.  - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với số đo diện tích m2.  - Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.  - Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích và chuyển đổi số đo diện tích.  **b. Cách tiến hành:**  - GV treo lên bảng hình vuông có diện tích là 1m2 và được chia thành 100 hình vuông nhỏ, mỗi hình có diện tích là 1 dm2.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  + Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu?  + Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu?  + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?  + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?  + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dm.  **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2 và dm2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mét vuông. Mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m. (GV chỉ hình)**  **- Mét vuông viết tắt là m2.**  + 1m2 bằng bao nhiêu đề- xi- mét vuông?  - GV viết lên bảng: 1m2 = 100dm2 | - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  + Hình vuông lớn có cạnh dài 1m (10 dm).  + Hình vuông nhỏ có độ dài là 1dm.  + Gấp 10 lần.  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1dm2.  + Bằng 100 hình.  + Bằng 100dm2.  - HS đọc: Mét vuông  + 1m2 = 100dm2. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)**  **a. Mục tiêu:**  + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với số đo diện tích m2.  + Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.  + Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.  **b. Cách tiến hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS chọn số đo phù hợp cho cách đọc.  - Gọi 1 HS làm bảng phụ, chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc.  - HS thực hiện.  - HS làm bài, chia sẻ.  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi ước lượng đơn vị đo diện tích của các đồ vật.  - GV hướng dẫn HS:  + Sắp xếp diện tích các đồ vật theo thứ tự tăng dần.  + Sắp xếp số đo diện tích theo thứ tự tăng dần.  - Gọi đại diện 2 nhóm trình bày.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS tìm hiểu, trao đổi cặp đôi hoàn thành yêu cầu.  + Cục tẩy < bìa sách < mặt bàn  + 6 cm2 < 6 dm2 < 1m2  - HS trình bày. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ theo nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ? Khi đổi số đo diện tích từ đơn vị ta làm như thế nào. mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  1 m2 = 100dm2  1 m2 50dm2= 150dm2  1dm2 =100cm2 4 m2 20dm2= 420dm2  500dm2 =5 m2 3m2 9dm2= 309 dm2  - HS chia sẻ đáp án.  - Ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm (3-5’)**  - Nêu cách đổi đơn vị đo diện tích từ đơn vị mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông.  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau tiết dạy:**

............................................................................................................................................

............................................................................................................................................. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT**

**Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết vấn đề, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động của lớp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS nêu lại các chủ đề đã học. | - HS nêu câu trả lời. |
| - GV gọi HS chia sẻ. | - HS chia sẻ |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| ***2. Luyện tập ( 25-30’)***  ***a. Mục tiêu***  - Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng.  **b. Cách tiến hành**  *\* Tìm danh từ chung va danh từ riêng*  - YC HS đọc đề bài.  - YC HS làm việc cá nhân bằng phiếu học tậpc tìm ra các danh từ chung và danh từ riêng.  - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.  - GV chốt cấu trả lời đúng. | -1 HS đọc đề bài.  - HS tìm thực hiện yêu cầu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Danh từ chung | | | Danh tư riêng | | | Chỉ người | Chỉ vật | Chỉ hiện tượng tự nhiên | Tên người | Tên địa lý | | nàng | Phố, chùa, tỉnh, chân, cành, trúc, chuông, chày, mặt gương, trời, nước, cơm, bạc, vàng | Gió, khói, sương, mưa, nắng | Tô Thị, Triệu Thị Trinh | Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam Thanh, Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ. | |
| *\* Nghe – viết:*  - GV nêu YC nghe viết.  - GV đọc nội dung đoạn văn sẽ viết.  - GV YC HS nhắc lại cách trình bày đoạn văn .  - GV đọc đoạn văn YC HS viêt bài.  - GV nhận xét 3 – 4 bài viết của HS. | -HS lắng nghe.  -2 HS nêu lại.  -HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Tìm và viết một đoạn văn có chưa danh từ chung và danh từ riêng. | - HS thực hiện yêu cầu. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 3 TIẾNG VIỆT**

**Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.

- Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.

- Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.

- Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - YC hs múa hát khởi động  **-** GV YC HS nêu lại thế nào là động từ?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | - Hs múa hát theo video  **-** 2-3HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25-30’)**  **a. Mục tiêu:**  - Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.  - Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.  - Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.  **b. Cách tiến hành**  *\* Nêu được tên bài thơ và tên tác giả. Đọc một đoạn thơ đã học.*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì? | - HS đọc  - HS trả lời (*Nêu tên bài thơ và tên tác giả. Đọc lại được một đoạn thơ hoặc bài thơ đã học.*) |
| - Tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi.  - YC HS đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ đã học.  - GV chốt câu trả lời.  *\* Tìm câu chủ đề trong từng đoạn*  - YC HS đọc đề bài.  - YC HS thảo luận nhóm đôi.  - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.  - GV chốt câu trả lời. | - HS trao đổi cặp đôi.  - 3 – 6 HS đọc.  -HS lắng nghe.  -1 HS đọc đề bài.  - HS thảo luận nhóm đôi  + Đoạn 1: Biển động.  + Đoạn 2: Những ngày hè đi bên bờ ..... như đi trước cửa gió.  + Đoạn 3: Ngần ấy loại chuồn chuồn cũng đủ cho chúng tôi để mê tơi trong suôt mùa hè.  -HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - YC hs đọc thuộc bài thơ yêu thích. | - 2-3 HS đọc bài. |
| -Nhận xét tiết học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 6 ĐẠO ĐỨC**

**Bài 3: Yêu lao động (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia hoạt động lao động.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết vấn đề sáng tạo trước những tình huống liên quan tới thái độ đối với lao động.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự chủ và tự học trước những tình huống liên quan tới thái độ đối với lao động.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, kính trọng, biết ơn người lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Biết thể hiện tình yêu lao động qua thái độ, lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” cho học sinh thi kể những việc em đã làm được khi ở nhà, trường.  - GV hỏi trải nghiệm của HS Em đã làm được khi ở nhà, trường? Khi làm những việc đó, em cảm thấy như thế nào?  - GV giới thiệu – ghi bài. | - HS tham gia trò chơi  - HS nối tiếp nêu |
| **2. Khám phá (25-30’)** |  |
| **a. Mục tiêu**  - Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.  **b. Cách tiến hành**  ***HĐ 1: Tìm hiểu một số biểu hiện của yêu lao động***  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát 4 bức tranh trong SGK và trả lời câu hỏi:  + Em hãy nêu các biểu hiện của yêu lao động qua các bức tranh đó.  + Hãy nêu thêm các biểu hiện của yêu lao động mà em biết.  - Mời đại diện các nhóm trình bày  - GV nhận xét, kết luận:  + Tranh 1: Chủ động, tự giác lao động ở trường, lớp.  + Tranh 2: Vui vẻ, yêu thích lao động.  + Tranh 3: Lao động tích cực, cso kết quả tốt.  + Tranh 4: Chủ động tham gia lao  động ở nơi mình sinh sống.  - Các biểu hiện khác của yêu lao động:  + Tích cực, tự giác làm những việc phù hợp với khả năng.  + Chăm làm việc nhà, việc trường.  + Không đùn đẩy việc cho người khác.  + …. | - HS xem video  - HS thảo luận cặp đôi    - Đại diện các nhóm trình bày |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm (3-5’)**  - Nêu các biểu hiện của yêu lao động  - Nhận xét giờ học. | - HS trả lời |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy:**

**Tiết 5 KHOA HỌC**

**Bài 9: Vai trò của ánh sáng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống; liên hệ được với thực tế.

- Biết tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu; thực hiện được tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết phù hợp để bảo vệ mắt, tránh bị cận thị.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài học và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phầm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập hình 6, hình 7

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV hỏi:  + Ánh sáng có vai trò như thế nào đối với thực vật và động vật?  + Lấy ví dụ trong thực tiễn về việc con người sử dụng ánh sáng đối với cây trồng?  - GV nhận xét. | - HS trả lời, cả lớp nhận xét. |
| - GV giới thiệu- ghi bài. |  |
| **2. Hình thành kiến thức (15’):**  **a. Mục tiêu**  - Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống; liên hệ được với thực tế.  - Biết tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; không đọc, viết dưới ánh sáng quá yếu; thực hiện được tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết phù hợp để bảo vệ mắt, tránh bị cận thị.  **b. Cách tiến hành**  **HĐ3: Ánh sáng đối với đời sống của con người**  **HĐ 3.1** |  |
| - Yêu cầu mỗi HS quan sát hình 5 SGK và thảo luận nhóm đôi, cho biết tác dụng của ánh sáng đối với đời sống của con người. | - HS thảo luận theo nhóm đôi. |
| |  |  | | --- | --- | | Hình | Tác dụng của ánh sáng | | Hình 5a | Ánh sáng của đèn xe ô tô hoặc đèn điện bên đường giúp con người di chuyển vào ban đêm | | Hình 5b | Sử ánh sáng mặt trời làm pin mặt trời để thắp đèn, đun nước.... | | Hình 5c | Ánh sáng giúp con người ngắm được phong cảnh. | | Hình 5d | Ánh sáng mặt trời giúp con người di chuyển vào ban ngày. | | |
| - GV mời 1-4 HS trả lời, cả lớp nhận xét. | - 1-4 HS trả lời, cả lớp nhận xét. |
| - Yêu cầu HS lấy ví dụ khác về tác dụng của ánh sáng đối với đời sống của con người. | - HS nêu. |
| - GV nhận xét và cho HS xem đoạn phim về tác dụng của ánh sáng đối với đời sống của con người. | - HS xem đoạn phim. |
| * GV kết luận: Ánh sáng rất cần cho sự sống và các hoạt động của con người. | * HS lắng nghe. |
| **HĐ 3.2**  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, quan sát hình 7 cho biết để tránh tác hại do ánh sáng quá mạnh gây ra cho mắt, chúng ta nên và không nên làm gì? Vì sao? | - HS quan sát hình, thảo luận theo nhóm đôi. |
| - GV mời 1-4 HS trả lời, cả lớp nhận xét. | - 1-4 HS trả lời, cả lớp nhận xét. |
| |  |  | | --- | --- | | Hình | Cách bảo vệ đôi mắt | | 7a | Đeo kính hàn, không đứng gần để xem. | | 7b | Đội mũ rộng vành, đeo kính râm. | | 7c | Không sử dụng điện thoại trong bóng tối quá gần và quá lâu. | | 7d | Sử dụng đèn đường không để ánh sáng chiếu vào mắt của người lái xe. | | |
| - GV nhận xét. | - HS lắng nghe. |
| -  Yêu cầu HS nêu ví dụ khác về tác hại của ánh sáng quá mạnh đối với mắt và cách phòng tránh. | - HS nêu. |
| - GV nhận xét, kết luận: Ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt có thể gây hại mắt. | - HS lắng nghe. |
| **HĐ 3.3**  - Yêu cầu HS quan sát hình 8 SGK và mô tả cách ngồi học và cách đặt đèn của bạn ở mỗi hình a, b, c, d. Nêu câu hỏi: Trường hợp nào cần tránh để không gây hại cho mắt khi ngồi học? Vì sao? | - HS quan sát hình và trả lời. |
| - GV nhận xét, kết luận: Không học, đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng hoặc nơi ánh sáng quá mạnh. | - HS lắng nghe. |
| **3. Thực hành, luyện tập (15’)** |  |
| - Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi:  + Đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng có hại cho mắt không? Vì sao?  + Để tránh bị cận thị thì tư thế ngồi học và khoảng cách từ mắt đến sách cần phải như thế nào?  + Để bảo vệ mắt em cần làm những việc gì? Vì sao? | - HS suy nghĩ. |
| - GV mời 1 vài HS trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS trả lời, cả lớp nhận xét. |
| - Mời 1-2 HS đọc ghi nhớ. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Tổ chức cho HS thi đua xem ai thực hiện tư thế ngồi học ngay ngắn ở nơi đủ ánh sáng, khoảng cách từ mắt đến sách 25 cm đến 30 cm để tránh bị cận thị. | - HS thực hiện. |
| - Yêu cầu HS giải thích vì sao không nhìn quá gần hoặc quá lâu vào màn hình điện thoại, máy tính, ti vi để bảo vệ mắt. | - HS trả lời, cả lớp nhận xét. |
| - Yêu cầu HS điền những gì mình đã học được vào cột L của phiếu học tập KWL. | - HS thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS luôn ngồi học đúng tư thế và biết bảo vệ đôi mắt. | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 7 GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Động tác lườn, động tác lưng – bụng động tác toàn thân với vòng ( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- Thực hiện được động tác chân , động tác lườn, động tác bụng của bài thể dục .

- Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được động tác động tác chân , động tác lườn, động tác bụng.

**2. Năng lực**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện động tác chân , động tác lườn, động tác bụng trong sách giáo khoa và quan sát động tác mẫu của giáo viên.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**3. Phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

**II. ĐỊA ĐIỂM – PHƯƠNG TIỆN**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lượng VĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **T. gian** | **S. lần** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần Khởi động - kết nối (3-5’)**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “Chạy gheo tín hiệu”    **II. Phần cơ bản:**  **- Kiến thức.**  - Ôn 2 động tác vươn thở, tay  - Học động tác chân và lườn..  - Động tác chân.    - Động tác lườn.    -**Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Tập theo cá nhân  Thi đua giữa các tổ  - Trò chơi “Chim bay về tổ”.    - Bài tập PT thể lực:  **- Vận dụng:**  **III.Kết thúc**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  - Xuống lớp | 5 – 7’  2-3’  16-18’  3-5’  4- 5’ | 2x8N  2 lần  2 lần  2 lần  3 lần    4 lần  1 lần  1 lần | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - GV HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  - GV quan sat nhắc nhở, sửa sai cho HS  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - Cho 1 tổ lên thực hiện động tác chân và động tác lườn.  GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương  - GV hô - HS tập theo GV.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS   * Phân công tập theo cặp đôi   - GV Sửa sai  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV và HS nhận xét đánh giá tuyên dương.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  - Cho HS chạy XP cao 20m  - Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi?  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  - HS khởi động theo GV.  - HS Chơi trò chơi.    - Cán sự hô nhịp        - Đội hình HS quan sát tranh  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  HS quan sát GV làm mẫu  HS tiếp tục quan sát  - Đội hình tập luyện đồng loạt. 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  **🚹**  ĐH tập luyện theo tổ  🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 GV 🚹   * HS vừa tập vừa giúp đỡ nhau sửa động tác sai   - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  Chơi theo hướng dẫn    HS chạy kết hợp đi lại hít thở  - HS trả lời  - HS thực hiện thả lỏng  - ĐH kết thúc  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**Thứ Tư ngày 1 tháng 11 năm 2023**

**Tiết 1 TOÁN**

**Mi-li-mét vuông**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích; biết kí hiệu của mi-li-mét vuông: mm2.

- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m2, dm2, cm2, mm2).

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, (MH) hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?  + Để đo diện tích của một vật có cách thước nhỏ, người ta dùng đơn vị nào?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.  + Tranh vẽ bạn Rô-bốt và Mai phát hiện ra tổ kiến bằng kính hiển vi.  + Hai bạn đang nói tới cách làm cửa cho tổ kiến.  - HS suy ngẫm.  - HS ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức (15’):**  **a. Mục tiêu:**  - Biết tên gọi, kí hiệu, độ lớn của mi-li-mét vuông, biết quan hệ giữa mi-li-mét vuông - Củng cố kĩ năng: về tên gọi, kí hiệu, mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích và cách chuyển đổi các số đo diện tích từ đơn vị này sang đơn vị khác.  **b. Cách tiến hành:**  - GV treo lên bảng hình vuông lớn có cạnh là 1cm và được chia thành 100 hình vuông nhỏ có cạnh là 1 mm.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?  + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?  + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 cm có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 mm.  **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2, dm2, m2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mi-li-mét vuông. Mi-li-mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 mm. (GV chỉ hình)**  **- Mét vuông viết tắt là mm2.**  + 1cm2 bằng bao nhiêu mi- li- mét vuông hay ngược lại? | - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  + Gấp 10 lần.  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1mm2.  + Bằng 100 hình.  + Bằng 1cm2.  - HS đọc: Mi-li-mét vuông  + 1cm2 = 100mm2.  100mm2 **=** 100mm2 |
| **3. Luyện tập, thực hành(15’)**  **a. Mục tiêu:**  + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với số đo diện tích mm2.  + Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.  + Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.  **b. Cách tiến hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.  - Gọi 1HS chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc.  - HS thực hiện.  Hai trăm linh tư mi-li-mét vuông:  204 mm2  Hai nghìn không trăm bốn mươi mi-li-mét vuông:2040 mm2  Mười nghìn mi-li-mét vuông:  10000mm2  - HS chia sẻ, nhận xét.  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.  - HS theo dõi |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ kết quả trong nhóm ba.  - Gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả.  - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé (xăng-ti-mét sang mi-li-mét) và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn (mi-li-mét sang xăng-ti-mét).  - GV nhận xét, chốt câu trả lời.  + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số.  + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  a) 1 cm2 = 100mm2  2 cm2 = 200mm2  200mm2 = 2 cm2  b) 1 cm2 30mm2 = 130 mm2  8 cm2 5mm2 =805 mm2  7 cm2 14mm2 = 714 mm2  - HS chia sẻ, nhận xét.  - HS nêu. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - Làm thế nào để em tìm ra đáp án.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - Tìm diện tích của nhãn vở.  - HS chia sẻ đáp án. ( 15 cm2)  - Ước lượng (đo) chiều dài, chiều rộng của nhãn vở. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)**  - Nêu cách đổi đơn vị đo diện tích từ đơn vị xăng -ti mét vuông sang đơn vị mi-li-mét vuông.  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu  - HS lắng nghe |

\* **Điều chỉnh sau tiết dạy**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3 TIẾNG VIỆT**

**Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.

- Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.

- Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.

- Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  **-** GV YC HS nêu lại thế nào là động từ?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** 2-3HS trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25-30’)** |
|  |
| **a. Mục tiêu**  - Nêu được tên bài thơ đã học và ghi nhớ được tên tác giả, một số nội dung một đoạn thơ đã học.  - Bước đầu nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân biệt và xác định được động từ trong văn bản cho sẵn.  - Viết được đoạn văn theo chủ đề tự chọn.  **b. Cách tiến hành**  *\* Tìm thêm 2 – 3 động từ cho mỗi nhóm*  - YC HS đọc đề bài. | -HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào phiếu học tập *(a. động, thét, đập,rít, bay, cắt, vã*  *b. đi, đi, mang, thổi, nghe, reo, vỗ, vọng.*  *c.mặc, thích, phơi, soi, đứng, ngắm, mê tơi.*  - HS lắng nghe.  -1 HS đọc đề bài. |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** | **Nhóm 5** | | chào | bay | bơi | mọc | trôi | | Trao đổi, học, hỏi, trả lời, suy nghĩ,.... | Làm tổ, hút mật, chui, đậu,... | Quẫy, nhảy, thở, ăn, đớp, nhìn,... | Nở, đổ, phát triển, kết trái, đâm chồi,... | Cập bến, đậu, dừng, lật, đắm, chìm, trôi,... | | |
| - Tổ chức cho HS nêu nối tiếp các động từ vừa tìm được. | - HS trả lời |
| - GV chốt đáp án.  *\* Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn có chứa động từ ở bài tập 4.*  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu |
| - GV có thể gợi ý cách làm bài cho HS.  - YC HS viết đoạn văn.  - GV khen ngợi HS và chữa một vài bài HS. | - HS trả lời |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - YC đặt câu có chứa động từ. | - 2-3 HS trả lời |
| -Nhận xét tiết học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 3 TIẾNG VIỆT**

**Ôn tập giữa học kì 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết tóm tắt câu chuyện theo gợi ý.

- Viết được đoạn mở bài và kết bài cho câu chuyện có sẵn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS nêu lại cách viết mở bài và kết bài cho bài văn kể chuyện. | - 2-3 HS đọc và trả lời |
| **2. Luyện tập, thực hành: (25-30’)**  **a. Mục tiêu**  - Biết tóm tắt câu chuyện theo gợi ý.  - Viết được đoạn mở bài và kết bài cho câu chuyện có sẵn.  **b. Cách tiến hành**  - GV trình chiếu tranh và YC HS quan sát tranh.  - GV YC HS đọc nội dung dưới tranh. | - HS quan sát và đọc nội dung. |
| - YC HS thảo luận nhóm 4 nhận biết các sự việc có liên quan tới các nhân vật và tóm tắt câu chuyện đảm bảo đủ nội dung. | - HS thực hiện theo YC của GV. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe. |
| - Yêu cầu chia sẻ với người thân về câu chuyện. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 5 TOÁN (BS)**

**Đề-xi-mét vuông, mét vuông (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và mét vuông (ôn tập).

+ Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).

+ Ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ôn tập).

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động – kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và mét vuông (ôn tập).  + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích (ôn tập).  + Ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ôn tập). | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2.** **Luyện tập, thực hành. (25-30’)**  **a. Mục tiêu:**  - Ôn tập kiến thức đo lường.  **b. Cách tiến hành**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - GV lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 4 Vở luyện tập Toán.  - GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 4 Vở luyện tập Toán.  - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.  - GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -HS làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Hoàn thành bảng sau** **(theo mẫu)/VLT tr.33**  - Cho HS quan sát   |  |  | | --- | --- | | Đọc số đo | Viết số đo | | | Mười lăm đề- xi-mét vuông | 15dm2 | | Hai mươi tư đề-xi-mét vuông |  | |  | 105 dm | | Một trăm linh tư mét vuông |  | |  | 36 m2 | |  | 72m |   - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 GV chốt cách đọc, viết đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và mét vuông.* | - Học sinh trả lời:   |  |  | | --- | --- | | Đọc số đo | Viết số đo | | | Mười lăm đề- xi-mét vuông | 15dm2 | | Hai mươi tư đề-xi-mét vuông | 24dm2 | | Một trăm linh năm đề-xi-mét | 105 dm | | Một trăm linh tư mét vuông | 104m2 | | Ba mươi sáu mét vuông | 36 m2 | | Bảy mươi hai đề-xi-mét | 72m |   - HS nối tiếp trả lời  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Nối mỗi vật với số đo diện tích bề mặt thích hợp trong thực tế (VLT/33)**  - GV cho 4 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: *“Ai nhanh, Ai đúng?”*  *+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng*  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 GV chốt cách ước lượng số đo diện tích của các tình huống trong thực tế.* | - HS lắng nghe cách thực hiện  - HS thực hiện làm bài  + SGK toán: 6 dm2  + Biển hiệu măng non: 1m2  + Thảm hoa: 1m2  + Nhãn vở: 6 cm2  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. VLT**/33  a) 5 dm2 = …..cm2  500cm2 = …… dm2  4 dm2 15 cm2 = ……. cm2  b) 7 m2 = …..dm2  700dm2 = …… m2  9 m2 80 dm2 = ……. dm2  *🡺 GV chốt cách chuyển đổi các số đo diện tích* | - 2 HS lên bảng làm bài  a) 5 dm2 = 500 cm2  500cm2 = 5 dm2  4 dm2 15 cm2 = 415 cm2  b) 7 m2 = 700 dm2  700dm2 = 7 m2  9 m2 80 dm2 = 980 dm2 |
| **\* Bài 4: >; <; =? VLT/34**  - GV gọi 3 HS làm bài  a) 2 dm2 75 cm2 4cm2 + 75 cm2  8 dm2 9dm2 - 2 cm2  3 dm2 x 3 2700 cm2 : 3  b) 4 m2 30 dm2 3m2 + 200 cm2  15 m2 – 4 m2  150dm2 - 40 dm2  21 m2 : 3 1400 dm2 x 5  - GV nhận xét, chốt kết quả:  *🡺 GV chốt cách chuyển đổi, tính toán và so sánh các đơn vị đo diện tích.* | 3 HS lên bảng làm bài  >  a) 2 dm2 75 cm2 4cm2 + 75 cm2  <  8 dm2 9dm2 - 2 cm2  =  3 dm2 x 3 2700 cm2 : 3  >  b) 4 m2 30 dm2 3m2 + 200 cm2  >  15 m2 – 4 m2  150dm2 - 40 dm2  =  21 m2 : 3 1400 dm2 x 5 |
| **3. Vận dụng (3-5’)**  - Hãy ước lượng diện tích của lớp học.  - GV cho học sinh quan sát xung quanh lớp học. Gọi 1 số HS nêu kết quả của mình.  - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.Tiết 2 tuần 9 | - HS nghe  - HS thực hiện  - HS trình bày kết quả  - HS trả lời, nhận xét  - HS nghe |

**Tiết 4 CÔNG NGHỆ**

**Một số dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mô tả được một số cách sử dụng dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết vấn đề, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động của lớp.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập chăm sóc cây .

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)** |  |
| **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hoạt động khám phá (15’)** |  |
| **a. Mục tiêu:**  - Mô tả được một số cách sử dụng dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu  **b. Cách tiến hành**  *-* Yêu cầu HS quan sát hình 5 trong sgk kết hợp với gợi ý hoàn thành mục 1ở phần khám phá:  a- Bình tưới cây  b- Xẻng nhỏ  c- Găng tay làm vườn. | - HS tiến hành. |
| - HS thảo luận, GV quan sát và giúp đỡ khi HS gặp khó khăn, yêu cầu HS quan sát hình 6 trong sgk, thảo luận và mô tả cách sử dụng các dụng cụ. | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS báo cáo, HS nhận xét, bổ sung và hoàn thiện. | - HS chia sẻ, lắng nghe, ghi nhớ. |
| **3. Hoạt động luyện tập (15’)** |  |
| **-**  HS liên hệ thực tiễn, nêu thêm một số dụng cụ và cách sử dụng các dụng cụ đó để trồng hoa, cây cảnh trong chậu đang được sử dụng ở:  + Gia đình  + Nhà trường  + Địa phương | - HS thực hiện |
| - Tổ chức cho HS chia sẻ bài làm, GV kết luận. | - HS thảo luận theo cặp, chia sẻ. |
| **4. Hoạt động sáng tạo (3-5’)** |  |
| - GV tổ chức cho HS về nhà tham gia vào việc trồng hoa, cây cảnh trong chậu. Chụp hoặc quay video quá trình chăm sóc.  - Dặn HS hoàn thiện và giới thiệu Sp vào tiết sau | -HS thực hiện. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 7 HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Thực trạng vệ sinh trường, lớp (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Bày tỏ được tình cảm “yêu trường, mến lớp” và nêu những điều em muốn làm để góp sức giúp môi trường của mình xanh, sạch, đẹp hơn.

- Xây dựng được kế hoạch khảo sát thực trạng vệ sinh trường lớp.

**2. Năng lực**

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ về thực tạng trường lớp và thực hiện việc làm cụ thể giữ gìn trường lớp xanh, sạch đẹp, nêu và giải quyết vấn đề xảy ra trong quan hệ bạn bè

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng, yêu quý và giữ gìn sản phẩm học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, nghiên cứu khoa học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thực hiện được lời nói, việc làm để duy trì và phát triển mối quan hệ với bạn bè thầy cô.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, thẻ từ: TRƯỜNG HỌC XANH - SẠCH - ĐẸP, bìa màu ghi các khu vực trong trường

- HS: giấy A4, bút màu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’):**  - GV mời HS cùng hát theo bài “Mái trường mến yêu”. | - HS hát. |
| - GV gọi HS chia sẻ cảm xúc sau khi cùng hát bài hát đó. | - 3-4 HS chia sẻ. |
| - GV cho HS suy nghĩ về trường của mình hiện tại, tưởng tượng ngôi trường em mơ ước. | - HS suy nghĩ |
| - GV mời HS chia sẻ hình dung về ngôi trường mơ ước đó bằng cách kết thúc câu nói: “Ngôi trường mơ ước của em có…” | - 2 – 3 HS chia sẻ |
| KL: Chúng ta chung tay để biến một phần ước mơ của mình thành hiện thực, bắt đầu từ những hành động nhỏ nhất như giữ gìn trường học Xanh – Sạch – Đẹp ( GV đưa thẻ từ: TRƯỜNG HỌC XANH – SẠCH – ĐẸP) |  |
| - GV giới thiệu – ghi bài. |  |
| **2. Khám phá chủ đề: Xây dựng kế hoạch khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp** |  |
| **a. Mục tiêu:**  - Bày tỏ được tình cảm “yêu trường, mến lớp” và nêu những điều em muốn làm để góp sức giúp môi trường của mình xanh, sạch, đẹp hơn.  - Xây dựng được kế hoạch khảo sát thực trạng vệ sinh trường lớp.  **b. Cách tiến hành**  - GV đề nghị HS cùng kể tên các khu vực trong trường và bên ngoài, cạnh trường.  VD: Sảnh chung, sân trường, hành lang tầng 1, hành lang tầng 2, khu vực bếp nấu ăn, khu vực nhà vệ sinh, cổng trường,… | - HS kể tên |
| - GV mời đại diện các tổ lên bốc thăm khu vực ở trường sẽ khảo sát thực trạng vệ sinh. | - Đại diện bốc thăm |
| - GV đề nghị HS các tổ thảo luận xây dựng kế hoạch khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp với các gợi ý:  + Xác định thời gian thực hiện khảo sát;  + Đặt ra các tiêu chí khảo sát và mức độ đánh giá.  + Nêu ý tưởng thiết kế phiếu khảo sát  + Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ. | - HS đọc gợi ý  - Các tổ xây dựng kế hoạch khảo sát |
| - GV mời đại diện từng tổ lên chia sẻ về phiếu khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp của tổ mình. | - Đại diện tổ lên chia sẻ |
| - GV nhận xét, góp ý | - Tổ khác nhận xét, bổ sung |
| Kết luận: GV hỏi lại xem HS nắm thông tin đầy đủ chưa; có ai không hiểu nhiệm vụ không và yêu cầu các tổ thực hiện nhiệm vụ đã đề ra. | - Lắng nghe |
| **3. Mở rộng và tổng kết chủ đề: Chia sẻ về phương pháp thực hiện khảo sát** |  |
| - GV mời HS nêu ý kiến về cách thực hiện khảo sát sao cho hiệu quả:  + Thời điểm nào trong ngày thích hợp để thực hiện khảo sát? Có nên thực hiện khảo sát vào nhiều thời điểm trong ngày như buổi sáng vừa đến trường, giờ ra chơi, giờ tan học,… không?  + Nên thực hiện khảo sát bằng cách cả tổ cùng ra quan sát một lúc hay chia nhóm, cặp đôi, cặp ba khảo sát vào các thời điểm khác nhau?  + Kết quả khảo sát nên ghi vào nháp rồi đưa thư kí tổng hợp hay mỗi người lại có phiếu khảo sát cho riêng mình?  + Cần những phương tiện, dụng cụ gì hỗ trợ khi khảo sát hay không hay chỉ cần quan sát bằng mắt là đủ? | - HS nêu ý kiến |
| Kết luận: Mỗi tổ được quyền lựa chọn cách riêng của tổ mình dựa trên những ý kiến của các bạn. Các thành viên trong tổ cần thống nhất cách làm để thực hiện khảo sát nhanh gọn, hiệu quả, không tạo mâu thuẫn giữa các thành viên. |  |
| **4. Cam kết hành động: (3-5’)** |  |
| - GV đề nghị HS:  + Chia sẻ với người thân về nhiệm vụ của tổ mình và nhờ người thân cho thêm lời khuyên về việc thực hiện khảo sát.  + Thống nhất cách làm và lập nhóm tác nghiệp chung để bắt đầu thực hiện khảo sát ngay sau tiết này. | - HS lắng nghe thực hiện |
| - Nhận xét giờ học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

**Thứ Năm ngày 2 tháng 11 năm 2023**

**Tiết 1 TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m2, dm2, cm2, mm2).

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - So sánh diện tích HCN có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm và hình vuông có cạnh 20 cm.  - GV nhận xét, đánh giá  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS ghi bài |
| **2. Luyện tập, thực hành:( 25-30’)** |  |
| **a. Mục tiêu**  - Củng cố kĩ năng chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m2, dm2, cm2, mm2).  - Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.  **b. Cách tiến hành**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì? hỏi gì?  - Yêu cầu 1HS vẽ hình minh họa 2 tấm pim mặt trời sau khi được ghép lên bảng lớp, còn lại vẽ vở nháp.  - Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ tính diện tích của tấm pin.  Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS nêu.  - HS vẽ.  - HS làm bài  - HS chia sẻ đáp án. (B: 200 dm2) |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi hoàn thành bài tập.  ? Để biết phòng khách nào nhà Nam phải làm thế nào  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS trao đổi hoàn thành bài.  - HS trả lời.  (Tính diện tích của từng phòng khách rồi so sánh diện tích các phòng để tìm)  - HS chia sẻ đáp án. (Hình A) |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì?  - Bài yêu cầu làm gì?  - Gọi HS nêu cách làm.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV chấm vở 3-5HS nhanh nhất. | - HS đọc.  - Mặt sàn hình vuông cạnh 3m, tấm gỗ có chiều dài 5dm và chiều rộng 1dm.  - Cần bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn mặt căn phòng.  - HS nêu. (tính diện tích của căn phòng và diện tích của tấm gỗ sau đó tìm số tấm gỗ).  - HS làm bài và chia sẻ.  - HS chia sẻ đáp án. ( Cần 180 tấm gỗ để lát kín căn phòng) |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)**  - Trò chơi: HS hoạt động theo nhóm 2  - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia  - HS lắng nghe |

**\* Điều chỉnh sau tiết dạy:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT**

**Kiểm tra đọc**

**Tiết 6 TIẾNG VIỆT BS**

**Luyện Tiếng Việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: Tìm và nhận biết danh từ, động từ, sắp xếp danh từ theo nhóm chỉ vật, chỉ người, sắp xếp động từ theo nhóm chỉ hoạt động, chỉ trạng thái.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Tiếng Việt; máy soi

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động ( 3 - 5)**  - GV tổ chức cho HS hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kĩ năng viết bài, làm được các bài tập trong vở bài tập. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.( 25 - 30)**  **Hoạt động 1:**  - GV cho HS đọc lại bài viết tiết 1 theo yêu cầu  + Gọi 2 HS đọc lại.  + HD HS nêu lại bố cục đoạn văn:  + GV đọc  + Chấm, chữa bài.  - GV đánh giá nhận xét 5 - 7 học sinh NX, rút kinh nghiệm. | - HS đọc bài.  - Học sinh làm việc cá nhân |
| **Hoạt động 2:** HDHS làm bài tập trang 35  Đọc lại nội dung bài tập, nêu nội dung cần ôn tập trong tiết học:  - Nêu thế nào là danh từ, động từ cho 1 vài ví dụ  - GV cho HS làm bài trong vòng 10 phút.  - GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS làm bài nhóm 2, chia sẻ trước lớp |
| **Hoạt động 3:** Chữa bài  - GV Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  Sửa lỗi đoạn văn (nếu có).  **\* 1. Tìm trong đoạn thơ ở dưới:**  a) Danh từ chỉ người:…………………….  b) Danh từ chỉ vật:……………………….  c) Động từ chỉ hoạt động:………………...  d) Động từ chỉ trạng thái:………………..  Bầy chim líu ríu trên cành  Sáo nâu tập nói, vàng anh tập chào  Quả cau rời khỏi cây cao  Rủ lá trầu vào mừng tuổi bà em  (Lê Ngọc Ninh)  - GV gọi 1 HS nêu yêu cầu.  - GV cho HS đọc kết quả.  - HS đọc lại bài tập  - GV nhận xét, chốt kết quả.  *🡺 GV chốt thế nào là danh từ, động từ*  **2. Từ *chủ soái* trong câu “Hồng mới là chủ soái cho cuộc hành trình rước trăng xuống trần gian vui Tết”. thuộc từ loại nào?**  A. danh từ chỉ người  B. danh từ chỉ vật  C. động từ chỉ hoạt động  D. động từ chỉ trạng thái  - GV cho HS đọc kết quả.  - HS đọc lại bài tập  - GV nhận xét, chốt kết quả.  *🡺 GV chốt danh từ chỉ người, vật.*  **3. Tìm trong câu “Hồng mới là chủ soái cho cuộc hành trình rước trăng xuống trần gian vui Tết”.**  a) Động từ chỉ hoạt động:………………...  b) Động từ chỉ tình cảm, cảm xúc:…… | -1 HS lên chia sẻ.  - HS khác nhận xét bổ sung  Học sinh làm nhóm 4 theo phương pháp khăn trải bàn rồi ghi vở  a. Bà em  b. Bầy chim, sáo nâu, vàng anh, quả cau, lá trầu.  c. tập nói, tập chào, rời, rủ  d. mừng tuổi  - Học sinh làm việc cá nhân  - HS nêu đáp án: A  Học sinh nối tiếp nêu, chữa bài vào vở.  a. rước, xuống  b. vui |
| *🡺 GV động từ chỉ hoạt động, trạng thái.*  **4. Hình ảnh những chùm quả sấu chín vàng như nắng gợi tả gì?**  A. Từng chùm sấu chín vàng như nắng.  B. Màu vàng của chùm sấu chín lung linh như nắng.  C. Nắng đã làm cho chùm sấu chín có màu vàng.  D. Sấu chín có màu vàng của nắng.  - GV cho HS đọc kết quả.  - HS đọc lại bài tập  - GV nhận xét, chốt kết quả. | - Học sinh làm việc cá nhân  - HS nêu đáp án: B |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV yêu cầu HS đặt câu với 1 danh từ hoặc động từ có trong bài.  - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS.  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau. | - HS thực hiện  - HS chia sẻ. |

**Thứ Sáu ngày 3 tháng 11 năm 2023**

**Tiết 1 TOÁN**

**Bài 19: Giây thế kỉ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Làm quen với các đơn vị thời gian, giây, thế kỉ

- Chuyển đổi và tính toán với đơn vị thời gian đã học

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Tranh vẽ gì?( Trên màn hình đang chiếu phim hoạt hình có nhân vật là que diêm, cây thông và hội thoại giữa que diêm và cây thông)  + Tranh vẽ có mấy nhân vật?  + Yc học sinh đóng vai nêu lại tình huống? | - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. |
| - GV giới thiệu- ghi bài | - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức (15’):** |  |
| **a. Mục tiêu**  - Làm quen với các đơn vị thời gian, giây, thế kỉ  **b. Cách tiến hành**  - GV cho hs quan sát chiếc đồng hồ có kim giây chuyển động, GT thế kỉ Gv giới thiệu về tuổi của ông bà để  sánh độ dài ngắn của giây và thế kỉ.  + GVGT: giây là đơn vị TG  1 phút = 60 giây  1 giờ = 60 phút  + Hỏi: Em biết năm nay là năm gì không?  ( Để đánh dấu các năm người ta dùng các số còn để đánh dấu các thế kỉ người ta dùng chữ số La mã)  Thế kỉ: là một đơn vị đo thời gian  1 thế kỉ = 100 năm  + Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ một ( Thế kỉ I)  …….  + Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt ( Thế kỉ XXI) | - Quan sát  - trả lời |
| - Yêu cầu HS lấy ví dụ.  - GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở ngoài |  |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| **a. Mục tiêu**  - Chuyển đổi và tính toán với đơn vị thời gian đã học  **b. Cách tiến hành**  **Bài 1:**  - Bài toán cho chúng ta biết gì?  - Cho HS thảo luận, làm bài vào bảng nhóm  - Yêu cầu HS chia sẻ.  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.  *a) 60 giây; 1 phút; 180 giây; 3phút*  *b) 100 năm; 1 thế kỷ, 400 năm; 4 thế kỉ* | - HS đọc.  - Thực hiện làm bài nhóm 4  - HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài  - Lắng nghe |
| **Bài 2.**  - Gọi HS đọc bài toán.  + Bài toán cho chúng ta biết gì?  +Cho HS làm bài CN tham gia trò chơi Ai nhanh ai đúng  ***KQ****: a) Trần Hưng Đạo sinh năm 1228 thuộc TK XIII*  *b) Nguyễn Trãi sinh năm 1380 thuộc TK XIV*  *c) Phan Bội Châu sinh năm 1867 thuộc TK XIX*  *d) Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924 thuộc TK X*  *- GV giới thiệu với học sinh về 4 nhân vật lịch sử*  **Bài 3:**  - YC hs nêu bài toán  - GVHD học sinh  - YCHS làm vào vở  - Đại diện chia sẻ  Bài giải  Năm canh tý tiêp theo là  1900 + 60 = 1960  Vậy năm canh tý tiếp theo thuộc TK XX | - HS đọc.  - HS trả lời  - Tham gia chơi  - Lắng nghe  - HS làm bài vào vở, chia se |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:(3-5’)**  + GVGT với học sinh về Can và chi trong âm lịch  - Nhận xét giờ học | - Lắng nghe |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT**

**Kiểm tra đọc hiểu**

**Tiết 4 KHOA HỌC**

**Bài 10: Âm thanh và sự truyền âm thanh (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Lấy được ví dụ thực tế hoặc làm thí nghiệm để minh hoạ các vật phát ra âm thanh đều rung động.

- Nếu được dẫn chứng về âm thanh có thể truyền qua chất khí, chất lỏng, chất rắn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết vấn đề, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động của lớp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, ti vi, dụng cụ làm thí nghiệm 1,3; Phiếu học tập

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động - kết nối (3-5’)**  **a. Mục tiêu:**  - Tạo hứng thú cho học sinh  - Ôn tập kiến thức  **b. Cách tiến hành**  - GV hỏi:  + Trên đường từ nhà đến trường, em có thể nga thấy những âm thanh nào ?  + Âm thanh phát ra từ đâu? Âm thanh khi truyền như thế nào ?  + Những âm thanh này phát ra từ đâu? | - HS suy ngẫm trả lời. |
| - GV kết luận: Âm thanh do con người gây ra: tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc của trẻ em, tiếng cười, tiếng động cơ, tiếng đánh trống, tiếng đàn, lắc ống bơ, mở sách, … Vậy các vật phát ra âm thanh có đặc điểm gì? Những âm thanh đó truyền tới tai em qua cách nào ? Bài học hôm nay chúng mình cùng tìm hiểu nhé. |  |
| - GV ghi bài. |  |
| **2. Hình thành kiến thức (15’):**  **a. Mục tiêu**  - Lấy được ví dụ thực tế hoặc làm thí nghiệm để minh hoạ các vật phát ra âm thanh đều rung động.  - Nếu được dẫn chứng về âm thanh có thể truyền qua chất khí, chất lỏng, chất rắn.  **b. Cách tiến hành**  **HĐ1: Âm thanh và nguồn phá ra âm thanh** | |
| *\*Thí nghiệm 1:*  - GV gọi HS đọc yêu cầu của TN1. | - 2 HS đọc. |
| - GV gọi 1 HS lên bảng tiến hành thí nghiệm: rắc vụn giấy lên mặt trống, gõ lên mặt trống. | - HS tiến hành thí nghiệm. |
| - GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm làm thí nghiệm, quan sát, mô tả sự chuyển động của các vụn giấy, cảm giác của tay khi đặt nhẹ lên mặt trống. | - HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm, thảo luận, ghi kết quả. |
| - Yêu cầu HS các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm. | - HS đại diện các nhóm trình bày kết quả. |
| - GV cùng HS rút ra kết luận về âm thanh: Khi mặt trống rung động thì trống kêu. Mặt trống và dây thanh đới đều phát ra tiếng động khi phát ra âm thanh. Khi gõ mạnh thì mẩu giấy chuyển động nhanh hơn và tiếng trống kêu to hơn, ... | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| \*Thí nghiệm 2:  - GV hướng dẫn HS làm thí nghiệm đặt tay vào cổ và hát 1 câu hát. | - HS thực hiện. |
| + Em có nghe thấy âm thanh không ?  + Tay em có cảm giác thế nào ?  + Âm thanh đó phát ra từ đâu ? | - HS nối tiếp phát biểu trước lớp. |
| - GV và HS nhận xét, kết luận: *Khi ta hát, không khí từ phổi đi lên khí quản làm cho các dây thanh rung động. Rung động này tạo ra âm thanh. Vậy các vật phát ra âm thanh đều rung động.* | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| \*Trò chơi *“Tìm nhà thông thái”* |  |
| - GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm ghi nhanh vào bảng nhóm những vật phát ra âm thanh đều rung động trong khoảng thời gian 5 phút rồi treo bảng lên trước lớp. | - Các nhóm thực hiện. |
| - GV và HS nhận xét, khen nhóm thắng cuộc. |  |
| - GV kết luận: Âm thanh phát ra TN1 là khi mặt trống bị gõ, TN2 là dây thanh đơi rung lên khi hát. Chúng có đặc điểm chung là các vật rung động thì phát ra âm thanh. | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| + Nêu ví dụ khác về vật phát ra âm thanh đều rung động ? | - HS phát biểu. |
| - GV và HS nhận xét, chốt ý đúng: Khi gõ ta xuống bàn, tiếng hát phát ra từ loa, tiếng lá xào xạc khi có gió, tiếng chiêng phát ra khi ta gõ, ... |  |
| **HĐ2: Sự lan truyền âm thanh** |  |
| *\*Thí nghiệm 3:*  - GV hướng dẫn HS lên bảng tiến hành thí nghiệm 3 như hướng dẫn SGK. | - HS tiến hành thí nghiệm. |
| - Yêu cầu HS quan sát và nhận xét: Âm thanh truyền qua tai em qua chất nào ? | - HS suy nghĩ trả lời. |
| - GV tiến hành đưa đồng hồ báo thức bọc trong túi ni-lông cho vào bình nước (H.3). | - HS thực hiện. |
| + Em có nghe thấy tiếng chuông đồng hồ không ? Âm thanh truyền đến tai em qua chất nào ? | - HS phát biểu. |
| + Nếu bật chuông đồng hồ reo thì em có thể nghe được tiếng chuông không? Tiếng chuông đồng hồ truyền đến tại em qua chất nào? | - HS phát biểu. |
| + Nếu bật chuông đồng hồ reo và đặt đồng hồ vào túi ni-lông, buộc lại rồi thả vào bình nước thì các em có thể nghe được tiếng chuông không ? Nếu nghe được thì tiếng chuông đồng hồ truyền đến tại em qua chất nào? | - HS thảo luận, phát biểu. |
| - GV mời HS hai hoặc ba HS lên áp một tai vào thành bình, tại kia được bịt lại; thông báo với lớp kết quả mình nghe được tiếng chuông đồng hồ. | - HS thực hiện. |
| - GV và HS kết luận: *Khi đã buộc chặt đồng hồ trong túi nilon rồi thả vào chậu nước ta vẫn nghe thấy tiếng chuông khi áp tai vào thành chậu là do tiếng chuông đồng hồ lan truyền qua túi nilon, qua nước, qua thành chậu và lan truyền tới tai ta. Âm thanh có thể lan truyền qua chất lỏng, chất rắn.* | - HS lắng nghe. |
| - Yêu cầu các nhóm thảo luận, tìm một số ví dụ âm thanh có thể truyền qua chất rắn, chất lỏng và chất khí. | - HS thảo luận + phát biểu trước lớp. |
| - GV yêu cầu HS tìm thêm ví dụ về âm thanh truyền qua không khí, chất lỏng, chất rắn. | - HS thực hiện.  + Ví dụ: Tiếng gà gáy, tiếng còi xe, tiếng nói chuyện, tiếng bạn đọc bài, ... |
| - GV và HS kết luận: Âm thanh truyền nhanh, chậm khác nhau trong các chất khác nhau. Âm thanh truyền trong chất rắn nhanh hơn chất lỏng, trong chất lỏng nhanh hơn chất khí. | - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| + Âm thanh có vai trò gì trong cuộc sống ? | - HS nêu. |
| - GV liên hệ thực tế về vai trò quan trọng của âm thanh trong cuộc sống: Âm thanh rất quan trọng đối với cuộc sống. Âm thanh giúp cho con người giao lưu văn hoá, văn nghệ, trao đổi tâm tư, tình cảm, học tập... ;giúp cho con người nghe được các tín hiệu: tiếng còi xe, tiếng kẻng, báo hiệu, báo hiệu cấp cứu…; giúp cho con người thư giãn, thêm yêu cuộc sống: nghe được tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng mưa rơi, tiếng nhạc dìu dặt… | - HS lắng nghe. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 7 GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Bài 2: Động tác lườn, động tác lưng – bụng**

**động tác toàn thân với vòng ( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Thực hiện được động tác chân , động tác lườn, động tác bụng của bài thể dục .

- Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được động tác động tác chân , động tác lườn, động tác bụng.

**2. Năng lực**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện động tác chân , động tác lườn, động tác bụng trong sách giáo khoa và quan sát động tác mẫu của giáo viên.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**3. Phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

**II. ĐỊA ĐIỂM – PHƯƠNG TIỆN**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lượng VĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **T. gian** | **S. lần** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần Khởi động - kết nối (3-5’)**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “Chạy gheo tín hiệu”    **II. Phần cơ bản:**  **- Kiến thức.**  - Ôn 2 động tác chân và lườn  - Học động tác bụng.  - Động tác bụng.    -**Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Tập theo cá nhân  Thi đua giữa các tổ  - Trò chơi “Chim bay về tổ”.    - Bài tập PT thể lực:  **- Vận dụng:**  **III.Kết thúc**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  - Xuống lớp | 5 – 7’  2-3’  16-18’  3-5’  4- 5’ | 2x8N  2 lần  2 lần  2 lần  3 lần    4 lần  1 lần  1 lần | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - GV HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  - GV quan sát nhắc nhở, sửa sai cho HS  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - Cho 1 tổ lên thực hiện động tác bụng.  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương  - GV hô - HS tập theo GV.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS   * Phân công tập theo cặp đôi   - GV Sửa sai  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV và HS nhận xét đánh giá tuyên dương.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  - Cho HS chạy bước nhỏ tại chỗ đánh tay tự nhiên 20 lần  - Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi?  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  - HS khởi động theo GV.  - HS Chơi trò chơi.    - Cán sự hô nhịp        - Đội hình HS quan sát tranh  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  HS quan sát GV làm mẫu  HS tiếp tục quan sát  - Đội hình tập luyện đồng loạt. 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  **🚹**  ĐH tập luyện theo tổ  🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 GV 🚹   * HS vừa tập vừa giúp đỡ nhau sửa động tác sai   - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  Chơi theo hướng dẫn    HS thực hiện kết hợp đi lại hít thở  - HS trả lời  - HS thực hiện thả lỏng  - ĐH kết thúc  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**Tiết 7 HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hiện được việc khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp theo kế hoạch đã vạch ra.

- Báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất được các biện pháp để giữ gìn vệ sinh trường lớp.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết điều thực hiện được những lời nói, việc làm để duy trì và phát triển mối quan hệ bạn bè, thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (luôn giữ gìn vệ sinh trường lớp sạch sẽ).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng bạn, yêu quý và cảm thông về hình ảnh của bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựng hình ảnh bản thân trước tập thể.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng, bảo vệ môi trường của mình xanh, sạch, đẹp hơn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: phiếu khảo sát của tổ, bút màu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động tổng kết tuần:(10’)**  - GV cùng HS tổng kết tuần, dự kiến các hoạt động tuần sau.  \*Nhận xét ưu điểm và tồn tại:  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  \*Dự kiến các hoạt động tuần sau:  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… | - HS chia sẻ trước lớp |
| **2. Hoạt động nhóm: Thực hiện khảo sát thực trạng vệ sinh trường, lớp theo kế hoạch.(10’)** |  |
| - GV cho HS di chuyển theo tổ đến khu vực cần khảo sát | - HS cùng quan sát và ghi lại kết quả vào phiếu khảo sát |
| - GV cho HS di chuyển vào lớp để trao đổi, thống nhất về:  + Thực trạng khu vực tổ khảo sát;  + Nguyên nhân dẫn đến thực trạng vệ sinh tốt hoặc chưa tốt;  + Các biện pháp tuyên dương, duy trì thực trạng vệ sinh tốt hoặc khắc phục thực trạng vệ sinh chưa tốt. | - HS di chuyển vào lớp  - Thống nhất ý kiến của tổ |
| - Kết luận: Qua việc khảo sát thực tế, các em có thể thấy được thực trạng vệ sinh trường, lớp nơi chúng ta đang học. Nếu đã tốt, chúng ta cần tiếp tục duy trì, phát huy và nghĩ thêm những cách giúp trường, lớp ngày càng sạch, đẹp hơn. Nếu chưa tốt, chúng ta có thể cảnh báo với HS toàn trường, tuyên truyền nâng cao ý thức của mỗi cá nhân và thực hiện những hành động cụ thể để khắc phục. | - Lắng nghe |
| **3. Chia sẻ thu hoạch sau trải nghiệm: Báo cáo kết quả khảo sát (10’)** |  |
| - GV mời đại diện tổ lên báo cáo kết quả khảo sát | - Đại diện lên báo cáo kết quả. |
| - GV nhận xét về việc khảo sát của các tổ. |  |
| - GV cho các tổ thảo luận và đưa ra các biện pháp giữ gìn vệ sinh trường, lớp. | - Các tổ thảo luận |
| - Mời đại diện tổ trình bày | - Đại diện đưa ra các biện pháp. |
| - GV nhận xét, góp ý, chốt các biện pháp. | - Các tổ khác nhận xét, bổ sung các biện pháp khắc phục. |
| - GV đề nghị HS cùng viết SÁNG KIẾN GIỮ TRƯỜNG XANH, SẠCH, ĐẸP. | - HS cùng viết sáng kiến gửi BGH nhà trường. |
| - GV nhắc HS lên kế hoạch thực hiện các biện pháp đã đề ra. | - HS lên kế hoạch thực hiện |
| - Kết luận: GV mời các tổ hô vang khẩu hiệu thể hiện quyết tâm của tổ mình. |  |
| **4. Cam kết hành động: (10’)** |  |
| - GV đề nghị HS lựa chọn đại diện lớp trao SÁNG KIẾN GIỮ TRƯỜNG XANH, SẠCH, ĐẸP cho các thầy cô trong BGH | - HS chọn đại diện trao sáng kiến cho thầy cô trong BGH |
| - GV nhắc HS tiếp tục quan sát trường, lớp hằng ngày để phát hiện ngay những vấn đề liên quan đến vệ sinh trường, lớp. | - HS thực hiện |
| - Nhận xét giờ học. |  |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**